TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 138 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27– 12 – 2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng
2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/QĐST-HPT ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H T G, sinh năm 1990 (Có đơn yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 01, ấp B L, xã T H, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Anh N T L, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 01, ấp B L, xã T H, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị H T G vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Chị G và anh N T L sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Bình L (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước theo Giấy đăng ký kết hôn số 38/KH, quyển số 01/07 ngày 30/11/2007; có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai gia đình; Sau khi kết hôn chị G, anh L sinh sống tại ấp Bàu Lùng, xã

Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Chị G, anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L không lo cho kinh tế gia đình, không quan tâm lo lắng cho vợ con, ngoài ra anh L còn hay nhậu nhẹt, bài bạc, chị G khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị G yêu cầu ly hôn với anh N T L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống chị G và anh L có 03 con chung tên Ng T T V, sinh năm: 2008; N T T M, sinh năm: 2012 và N T Á L, sinh năm: 2018, nay ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung.

Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

- ***Bị đơn anh Nguyễn Thành L:***

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện xin ly hôn của chị G, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh L nhiều lần đến tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng mặc dù anh L đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc; tại phiên tòa anh L cũng vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G về việc ly hôn với anh N T L; về con chung giao 03 con chung cho chị G nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, chị G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H T G yêu cầu được ly hôn với anh N T L và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con chung; anh L có nơi cư trú tại xã T H, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn chị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G và anh L theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân*:* Chị G và anh L sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Tân Hiệp, huyện Bình L (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước, đây nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình.

Chị G yêu cầu được ly hôn với anh L, nguyên nhân là do anh L không lo lắng cho kinh tế gia đình, không quan tâm gì đến vợ con, ngoài ra còn hay nhậu nhẹt, bài bạc. Anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Tại biên bản xác minh của ban ấp Bàu Lùng, xã Tân Hiệp mâu thuẫn phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn chị G. Như vậy, có căn cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H T G.

[3] Về con chung: Chị G và anh L có 03 con chung tên N T T V, sinh năm: 2008; N T T M, sinh năm: 2012 và N T Á L, sinh năm: 2018. Khi ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai về nguyện vọng của các con chưa thành niên cháu Vy và cháu My đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị G, đối với cháu Nguyễn Thị Ánh Ly còn nhỏ cần được chăm sóc của người mẹ; mặt khác, quá trình giải quyết anh L không đến Tòa án để giải quyết nên không biết nguyện vọng của anh L, xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần chấp nhận yêu cầu của chị G, giao 03 con chung cho chị G nuôi dưỡng là phù hợp, nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Tài sản chung: Chị G khai không có nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị G khai không có nên không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H T G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H T G được ly hôn với anh N T L.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/KH, quyển số 01/07 ngày 30/11/2007 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Bình L (nay là huyện Hớn Quản), Bình Phước).

2. Về con chung: Giao 03 con chung N T T V, sinh năm: 2008; N T T M, sinh năm: 2012 và Nguyễn Thị Ánh Ly, sinh năm: 2018 cho chị H T G nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị G chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị H T G chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005134 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sư
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thuyên